Mẫu số 01, phụ lục thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

PHỤ LỤC II

ĐÍNH CHÍNH CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG QUÝ I/2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Ban hành kèm theo Công văn số /SXD-CL&VL ngày /5/2024 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)) (*)

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
	Nội dung đã được công bố tại công bố giá Quý I/2024 (stt 427 đến 432 Phụ lục)																			
	GỖ XÂY DỰNG - GỖ CÔP PHA																			
427	Nhóm 3 (Chò chỉ, Chò chai)	m3						220.382												
428	Nhóm 4 (Gội, Sến)	m3						226.864												
429	Nhóm 5	m3						226.864												
430	Nhóm 6	m3						304.645												
431	Nhóm 7-8 (cốt pha)	m3						291.682												
432	Cây chống (bạch đàn), L=4 m	cây						239.827												
	Nội dung đính chính																			
	GỖ XÂY DỰNG - GỖ CÔP PHA																			
427	Nhóm 3 (Chò chỉ, Chò chai)	m3						12.000.000												
428	Nhóm 4 (Gội, Sến)	m3						11.454.545												
429	Nhóm 5	m3						10.000.000												
430	Nhóm 6	m3						9.181.818												
431	Nhóm 7-8 (cốt pha)	m3						5.454.545												
432	Cây chống (bạch đàn), L=4 m	cây						45.455												